TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 01 - 2019
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng
2. Ông Lê Trường Vũ

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Minh Sang, thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh, kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 259/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 533/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 561/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Bé Đ, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Tổ 02, khóm Long Thị D, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Tạm trú: Bodymet, ấp Bình Tiền 2, đường Độ Phú Mỹ, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Bị đơn: Anh Nguyễn Anh P, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Tổ 02, khóm Long Thị D, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Chị Bé Đ có mặt tại phiên tòa; Anh P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 11 tháng 6 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Lâm Thị Bé Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lâm Thị Bé Đ và anh Nguyễn Anh P tự tìm hiểu và sống chung với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Long Phú (nay là phường Long Phú), giấy chứng nhận kết hôn số: 193 cấp ngày 29 tháng 10 năm 2009. Quá trình sống chung, không có hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cải vã, dẫn đến bất đồng quan điểm sống, không thể tiếp tục sống chung từ cuối

năm 2012 cho đến nay, do anh P đi làm thuê ở Bạc Liêu. Nay chị Lâm Thị Bé Đ yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Anh P.

Về con chung: Chị Lâm Thị Bé Đ và anh Nguyễn Anh P có hai đứa con chung tên Nguyễn Anh Thư, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2006 và Nguyễn Minh Thư, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2009, hiện đang sống chung với anh Nguyễn Anh P. Khi ly hôn chị Lâm Thị Bé Đ đồng ý giao hai đứa con chung tên Nguyễn Anh Thư, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2006 và Nguyễn Minh Thư, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2009 cho anh Nguyễn Anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai đứa con mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lâm Thị Bé Đ khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Theo bản tự khai ngày 10 tháng 11 năm 2018 của anh Nguyễn Anh P, anh P trình bày: Anh P với chị Đ tự tìm hiểu và sống chung vào năm 2005, đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Long Phú (nay là phường Long Phú). Do bất đồng quan điểm sống nên anh P không còn sống chung với chị Đ từ cuối năm 2012. Vì vậy, anh Nguyễn Anh P đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Lâm Thị Bé Đ. Khi ly hôn anh Nguyễn Anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi hai đứa con chung tên Nguyễn Anh Thư, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2006 và Nguyễn Minh Thư, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2009, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ghi nhận ý kiến các con chung của chị Đ và anh P. Ý kiến của Nguyễn Anh Thư, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2006 và Nguyễn Minh Thư, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2009, các cháu có lời khai thống nhất nếu cha mẹ ly hôn, các cháu có nguyện vọng sống chung với cha.

Tòa án lập biên bản không tiến hành mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được do anh Nguyễn Anh P vắng mặt. Chị Lâm Thị Bé Đ xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Anh P vắng mặt, anh P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang phát biểu việc tuân theo pháp luật, chấp hành pháp luật và hướng giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và Hội đồng xét xử trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng pháp luật. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 48, Điều 49, Điều 51, Điều 203, Điều 234, Điều 235 và Điều 239 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tại các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp theo khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về hướng giải quyết vụ án, căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và xét hỏi tại phiên tòa nhận thấy:

Về hôn nhân: Chị Đ và anh P tự tìm hiểu và sống chung. Quá trình sống chung, chị Đ cho rằng không có hạnh phúc, do anh P không lo làm ăn, chỉ lo ăn

chơi cờ bạc, không quan tâm đến đời sống vợ con, dẫn đến bất đồng quan điểm sống nên chị Lâm Thị Bé Đ khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Anh P là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Đề nghị, Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Về con Chung: Giao con chung tên Nguyễn Anh Thư, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2006 và Nguyễn Minh Thư, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2009 cho anh Nguyễn Anh P trực tiếp nuôi dưỡng; Công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị Lâm Thị Bé Đ.

Tài sản chung và nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét;

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Lâm Thị Bé Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng);

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lâm Thị Bé Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Chị Lâm Thị Bé Đ khởi kiện tranh chấp hôn nhân và gia đình với anh Nguyễn Anh P có địa chỉ cư trú tại tổ 02, khóm Long Thị D, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Anh P là bị đơn, anh P có đơn xin vắng mặt ngày 10 tháng 11 năm 2018 là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định chung.

Về nội dung:

[1] *Về hôn nhân:*

Chị Lâm Thị Bé Đ và anh Nguyễn Anh P tự tìm hiểu và sống chung với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Long Phú (nay là phường Long Phú), giấy chứng nhận kết hôn số: 193 cấp ngày 29 tháng 10 năm 2009 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét quá trình sống chung giữa chị Lâm Thị Bé Đ và anh Nguyễn Anh P. Chị Đ cho rằng, chị sống chung với anh P không có hạnh phúc, do anh P không quan tâm đến đời sống vợ con, chỉ lo tụ tập ăn chơi, cờ bạc, chị đã khuyên cang anh P nhiều lần nhưng không được nên vợ chồng thường xuyên cải vã, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lâm Thị Bé Đ không còn sống chung với anh Nguyễn Anh P từ năm 2012 cho đến nay. Nay chị Lâm Thị Bé Đ yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Anh P là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận theo yêu cầu của chị Lâm Thị Bé Đ. Về hôn nhân: Cho chị Lâm Thị Bé Đ ly hôn với anh Nguyễn Anh P.

[2] *Về nuôi con chung:* Chị Lâm Thị Bé Đ đồng ý giao hai con chung tên Nguyễn Anh Thư, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2006 và Nguyễn Minh Thư, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2009 cho anh Nguyễn Anh P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Anh Thư và cháu Nguyễn Minh Thư và còn phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81, khoản 1 Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

Giao hai con chung tên Nguyễn Anh Thư, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2006 và Nguyễn Minh Thư, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2009 cho anh Nguyễn Anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P phải tạo điều kiện thuận lợi cho chị Đ tới lui thăm nom con chung. Việc nuôi con không cố định, chị Đ được quyền xin thay đổi việc nuôi con chung khi có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc anh P không còn đủ điều kiện nuôi con và cố tình cản trở việc thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Lâm Thị Bé Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung tên Nguyễn Anh Thư, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2006 và Nguyễn Minh Thư, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2009, mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), cho đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động. Xét thấy, sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị Lâm Thị Bé Đ phù hợp theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử nghĩ nên công nhận.

[4] *Về tài sản* chung *và nợ chung*: Chị Lâm Thị Bé Đ khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí cấp dưỡng nuôi con:* Chị Lâm Thị Bé Đ phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng*) theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[6] *Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Chị Lâm Thị Bé Đ phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số: 0004802 ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lâm Thị Bé Đ ly hôn với anh Nguyễn Anh P.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Anh Thư, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2006 và Nguyễn Minh Thư, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2009 cho anh Nguyễn Anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P phải tạo điều kiện thuận cho chị Đ tới lui thăm nom con chung. Việc nuôi con không cố định, chị Đ được quyền xin

thay đổi việc nuôi con chung khi có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc anh P không còn đủ điều kiện nuôi con và cố tình cản trở việc thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị Lâm Thị Bé Đ đối với hai con chung tên Nguyễn Anh Thư và Nguyễn Minh Thư mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), cho đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động được, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 10 tháng 02 năm 2019.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

5. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Lâm Thị Bé Đ phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng*).

6. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lâm Thị Bé Đ phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số: 0004802 ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Lâm Thị Bé Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Anh P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tân Châu;
- CC.THADS thị xã Tân Châu;
- UBND phường Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Đỗ Thị Thúy